

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26-8-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thúy Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vành Si Tha;
2. Ông Nguyễn Lê Bảo Trúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Tâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:
Không tham gia phiên tòa

Người phiên dịch: Ông Châu Sóc Siên – Cán bộ Văn phòng Trung tâm trợ giúp pháp lý - Chi nhánh huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 250/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Néang M, sinh năm 1989, nơi cư trú: Tổ 06, ấp A, xã H, huyện T, tỉnh An Giang, (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Châu T, sinh năm 1989, nơi cư trú: Tổ 04, khóm 4, thị trấn T, huyện TT, tỉnh An Giang, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Néang M trình bày:* Bà và ông Châu T được sự mai mối của hai gia đình và đi đến hôn nhân vào ngày 07/5/2017, nhưng không đăng ký

kết hôn. Sau khi cưới ông bà về sống chung với cha mẹ ruột của bà M. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc về sau thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp, thường xuyên tranh cãi do ông T thể hiện tính gia trưởng trong gia đình, mọi việc trong nhà điều do ông T tự quyết định, không chí thú làm ăn lại còn cờ bạc với nhiều hình thức, bà đã lần khuyên ngăn nhưng ông T không từ bỏ, từ đó mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến tháng 6/2020 vợ chồng có tranh cãi nghiêm trọng nên ông T đã tự bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân cho đến nay. Xét thấy tình cảm không còn nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Về quan hệ hôn nhân: Bà Néang M yêu cầu được ly hôn với ông Chau T. Về con chung: Không có. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Chau T trình bày:* Ông thống nhất về điều kiện đi đến hôn nhân và con chung, cả hai xây dựng gia đình từ ngày 07/5/2017 nhưng không đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không phù hợp, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến ông phải tự bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 06/2020 cho đến nay. Nay bà M yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn. Về con chung: Không có. Về tài sản, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án đã được Tòa án mở phiên hòa giải nhưng nguyên đơn không thống nhất đoàn tụ.

Tại phiên tòa, bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Chau T có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tổ 04, khóm 4, thị trấn T, huyện TT, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông T chung sống với nhau từ năm 2017 nhưng không đăng ký kết hôn. Xét thấy, bà M và ông T chung sống với nhau như vợ chồng và có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký là không đúng với quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay cả bà M và ông T đều kiên quyết ly hôn, nên hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Néang M với ông Chau T.

[2.2] Về con chung: Không có.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà M, ông T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bà M chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0000336 ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Néang M với ông Chau T.

[2] Về con chung: Không có con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà M, ông T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Néang M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0000336 ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Ông Chau T không phải chịu án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

[6] Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Sơn Thị Thúy Liễu

